



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

---

**THÔNG BÁO  
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP  
THÁNG VII/2019**



**HÀ NỘI, THÁNG VIII/2019**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2019.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2019.....	12
1. Đối với cây lúa .....	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	15
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII-X NĂM 2019.....	17
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VII/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ( $-0,4^{\circ}\text{C}$  đến  $2,5^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-331,8$  mm đến  $270,6$  mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-117,6$  giờ đến  $32,2$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-12\%$  đến  $7\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VII/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

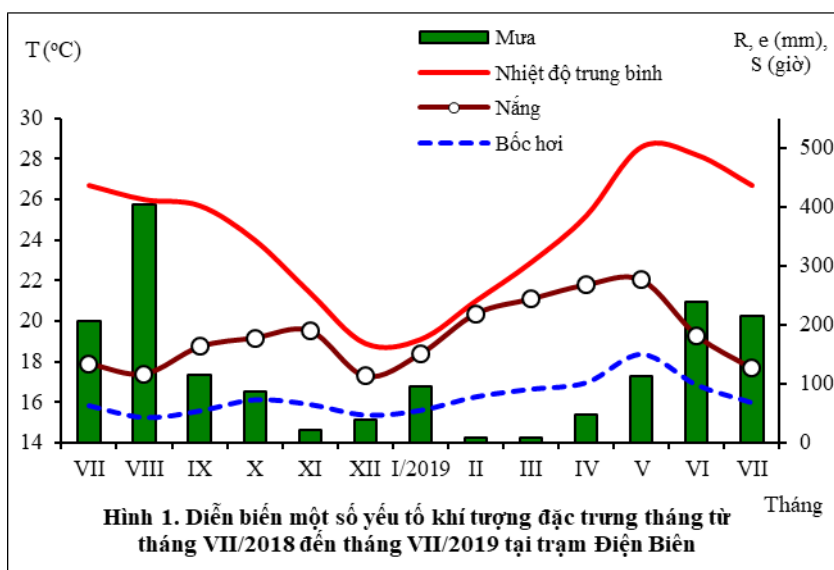
Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc giao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-0,4$  đến  $2,1^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $20,9^{\circ}\text{C}$  đến  $30,4^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $18,9^{\circ}\text{C}$  đến  $27,1^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $17,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 6/VII tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $24,4^{\circ}\text{C}$  đến  $35,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $39,3^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 19/VII tại Lạc Sơn. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VII đến tháng VII/2019 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Điện Biên

161mm đến 563mm, cao nhất đạt 737mm tại Mường Tè, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -173,4mm đến 126,5mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 34mm đến 109mm, giá trị cao nhất là 134mm xảy ra vào ngày 24/VII tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 27 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 16 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2019 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VII/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -41,7 giờ đến 12,7 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 90 giờ đến 203 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2019 dao động từ 72% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 21/VII tại Phù Yên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VII/2019 có giá trị phổ biến từ 32mm đến 109mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-684mm đến -60mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 1- 10mm. Cao nhất xảy ra vào ngày 9/VII tại Phù Yên.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 9 ngày trong đó có từ 1 -5 ngày với cường độ mạnh

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 8 đến 16 ngày

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VII/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,9<sup>0</sup>C đến 1,9<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,8<sup>0</sup>C đến 30,3<sup>0</sup>C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,7<sup>0</sup>C đến 27,4<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 31/VII tại Sapa.

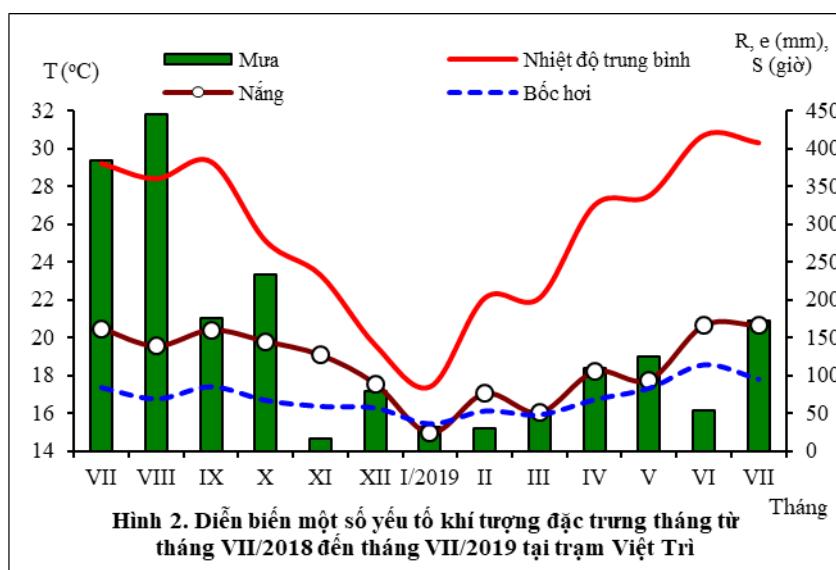
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24<sup>0</sup>C đến 34,5<sup>0</sup>C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 38,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 3/VII tại Hà Giang.

## 2.2. Diễn biến về

### mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 145 mm đến 498mm; cao nhất là 562mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -331,8mm đến



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Việt Trì

73,6mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2019 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 33mm đến 90mm, cao nhất là 114mm xảy ra vào ngày 25/VII tại Yên Bái. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 16 – 25 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VII/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 80 giờ đến 166 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-69,8 giờ đến 18,8 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2019 phổ biến từ 82 đến 93%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 49%, xảy ra vào ngày 3/VII tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 46mm đến 110mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-510mm đến -76mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 58mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 6 ngày với cường độ nhẹ
- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 5 đến 18 ngày.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

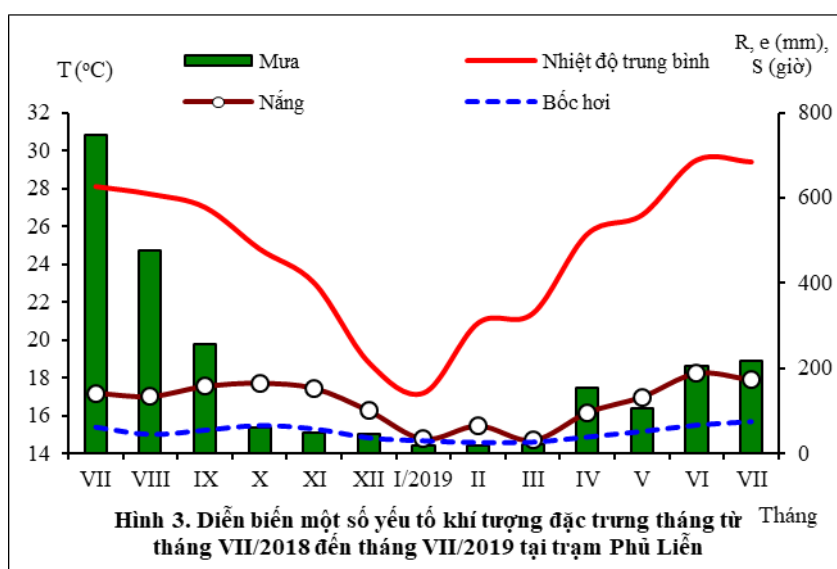
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5°C đến 1,4°C; có giá trị dao động từ 26,6°C đến 30,3°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 31,1°C đến 34,7°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,5°C xảy ra vào các ngày 19/VII tại Lục Ngạn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 24,1°C đến 27,4°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,2°C xảy ra vào ngày 10/VII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VII/2019 dao động phổ biến từ 137mm đến 421mm, cao nhất là 497mm tại Trùng Khánh và 502mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-190,6mm đến 187,2mm) (hình 11).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Phù Liên

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 29 đến 115mm, cao nhất là 243mm xảy ra ngày 15/VII tại Trùng Khánh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 - 27 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 16 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VII/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-69,8 giờ đến 18,8 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 132 giờ đến 173 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 79 đến 88%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4 –

7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 13/VII tại Bắc Giang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 48mm đến 95mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa - 510mm đến -76mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 48mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 9 – 19 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 với cường độ nhẹ.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 30,1<sup>0</sup>C đến 31,4<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,2<sup>0</sup>C đến 2,5<sup>0</sup>C) (hình 10);

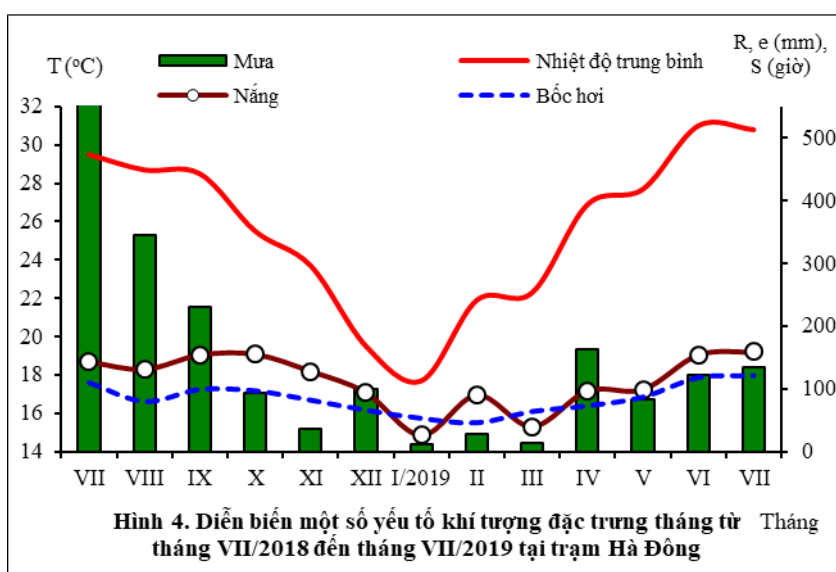
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,2<sup>0</sup>C đến 35,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 19/VII tại Nho Quan;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 27,1<sup>0</sup>C đến 28,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VII tại Văn Lý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -197mm đến -81,8mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 51mm đến 158mm, cao nhất là 181mm xảy ra tại Vĩnh Yên và 190mm tại Sơn Tây.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14 đến 54mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày;



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Hà Đông

số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 140 giờ đến 214 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -73,6 giờ đến 22,9 giờ), (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-2% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 8/VII tại Ninh Bình.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 65mm đến 136mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 18mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -449mm đến -48mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 11 ngày trong đó có 1 – 4 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 16 ngày.

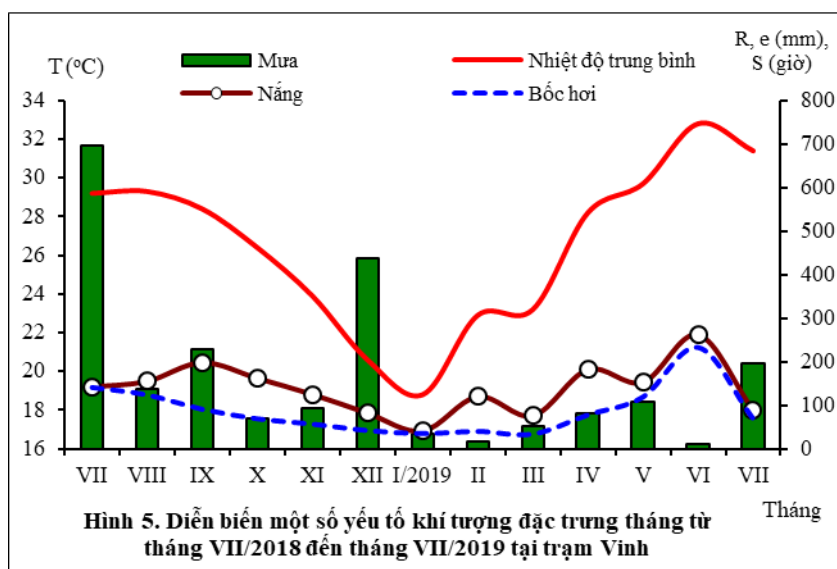
### 5. Vùng Bắc Trung Bộ

#### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1°C đến 2°C) (hình 10) và có giá trị từ 29,2°C đến 31,4°C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 34,4°C đến 36,9°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,2°C xảy ra vào ngày 19/VII tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,4°C đến 28,8°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2°C xảy ra vào ngày 30/VII tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Vinh

## **5.2. Diễn biến về mưa**

- Trong tháng VII/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 111mm đến 325mm, cao nhất là 406mm tại Tĩnh Gia và 419 tại Tây Hiếu. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -220,2mm đến 270,6mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 37 đến 245mm, cao nhất là 256mm xảy ra vào ngày 4/VII tại Tĩnh Gia.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 25 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 88 đến 274 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -56,5 giờ đến -16,4 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-12% đến -1%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 14% xảy ra vào ngày 20/VII tại Quỳnh Hợp.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 200mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 10mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-114mm đến 68).

## **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 32 ngày trong đó có từ 1 – 15 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 3 – 19 ngày.

## **6. Vùng Trung Trung Bộ**

### **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

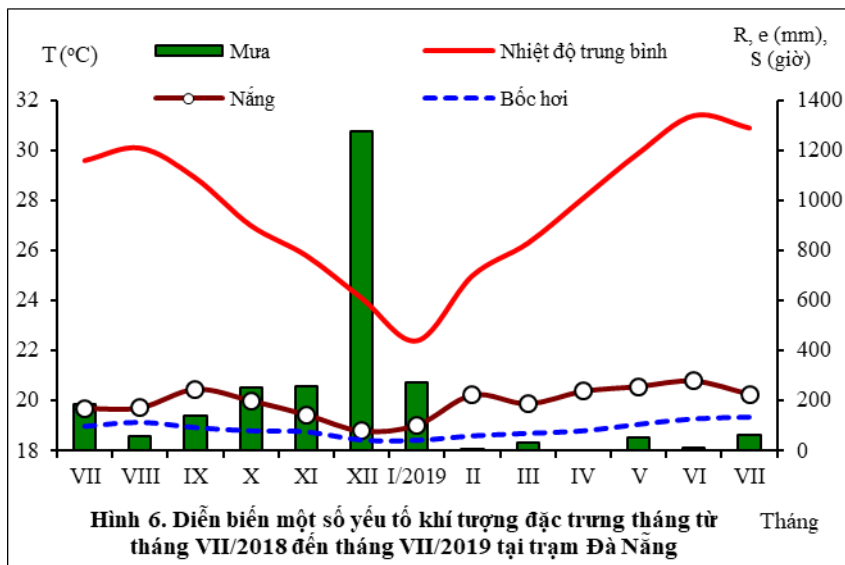
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2019 từ 25,5<sup>0</sup>C đến 31,6<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,6<sup>0</sup>C đến 1,9<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,8<sup>0</sup>C đến 36,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 13/VII tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,5<sup>0</sup>C đến 29<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 21,1<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/VII tại A Lưới.

## 6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng VII/2019 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -36,2mm đến 53,1mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 65 – 167mm, cao nhất là 223mm tại Ba Tơ, 235 tại Khe Sanh và 244 tại Trà My.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21 mm đến 114mm, cao nhất là 128mm xảy ra vào ngày 3/VII tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 27 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

## 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 152 giờ đến 275 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-54,2 giờ đến 21,9 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 65% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -8% đến 2%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 9/VII tại Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 75mm đến 242mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 68mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-169mm đến -126mm).

## 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 15 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 26 ngày trong đó có 1 - 12 ngày có cường độ mạnh.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2019 từ 28,2<sup>0</sup>C đến 31,4<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,3<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,3<sup>0</sup>C đến 36,3<sup>0</sup>C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 8/VII tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,3<sup>0</sup>C đến 28,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,6<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 24/VII tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

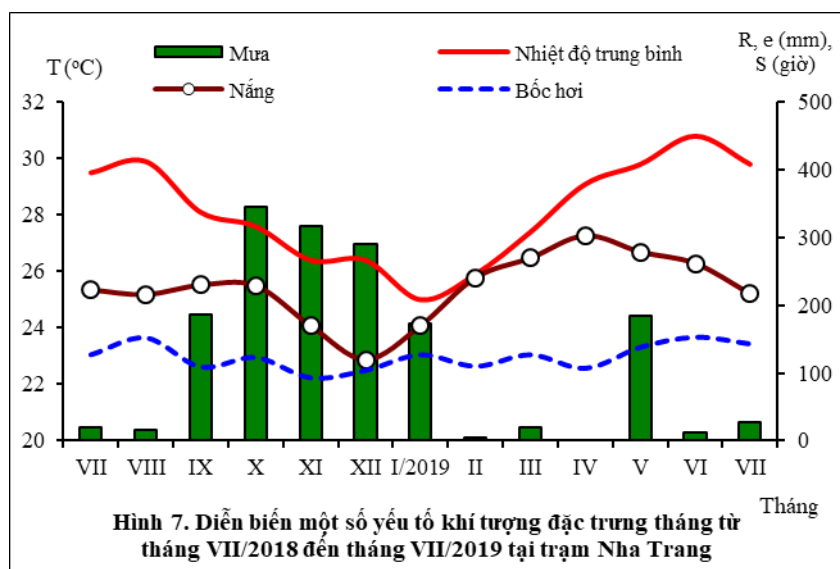
- Trong tháng VII/2019, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 28mm đến 80mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -25,3mm đến -5,7mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2019 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 33mm. Cao nhất là 76mm xảy ra ngày 5/VII tại Phan Thiết.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 6 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 23 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 71 giờ đến 260 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-28,3 giờ đến 22 giờ);



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Nha Trang

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 66% đến 78%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -9% đến -4%, (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 34% xảy ra vào ngày 24/VII tại Quy Nhơn và vào ngày 13/7 tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 105mm đến 198mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-94mm đến 161mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 13 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 2 - 21 ngày trong đó có 1 đến 13 ngày có cường độ mạnh.

## 8. Vùng Tây Nguyên

### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

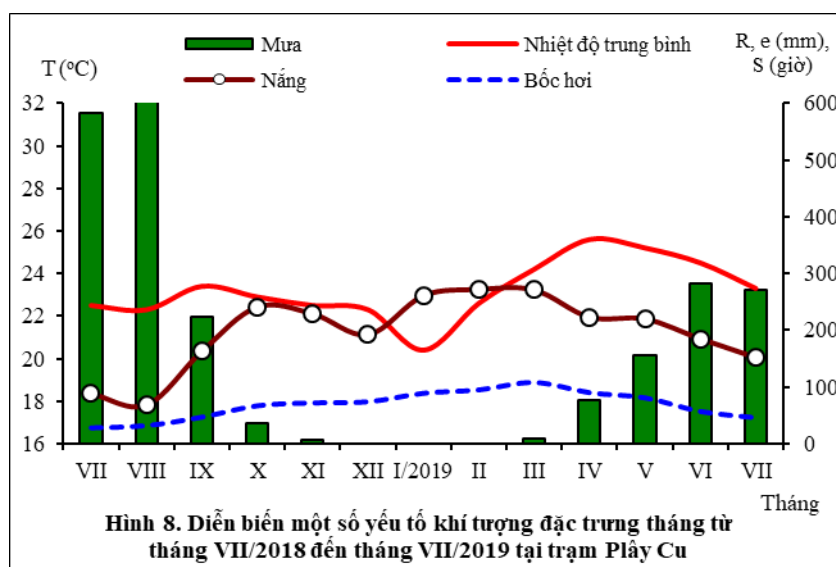
Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2019 từ 19,5<sup>0</sup>C đến 28,3<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6<sup>0</sup>C đến 1,5<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,7<sup>0</sup>C đến 32,9<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 23/VII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17 đến 25<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/VII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2019 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 23 đến 272mm, cao nhất là 351mm tại Đắc nông và 373mm tại Bảo Lộc. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Plây Cu

TBNN (từ -180,9mm đến 13,2mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9mm đến 73mm, cao nhất là 81mm xảy ra ngày 25/VII tại Bảo Lộc. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 7 đến 26 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 12 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2019 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### **8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2019 phổ biến từ 95 giờ đến 226 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-35,6 giờ đến 22,4 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 0% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 73% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 23/VII tại An Khê.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 171mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 92mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -330mm đến -70mm.

### **8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 14 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện 1 – 4 ngày với cường độ nhẹ.

## **9. Vùng Nam Bộ**

### **9.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2019 từ 26,6<sup>0</sup>C đến 29,1<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (-0,1<sup>0</sup>C đến 1,9<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,5<sup>0</sup>C đến 33,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 11/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,3<sup>0</sup>C đến 26,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 30/VII tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VII đến tháng VII/2019 tại trạm Cần Thơ.

### **9.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng VII/2019 dao động phổ biến từ 79mm đến 373mm, cao nhất là 712mm tại Đồng Phú. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-105,8mm đến 153,8mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 20mm đến 74mm, cao nhất là 145mm xảy ra vào ngày 25/VII tại Đồng Phú.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 13 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày.

### 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2019 phổ biến từ 137 giờ đến 211 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-29,6 giờ đến 27,1 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 73% đến

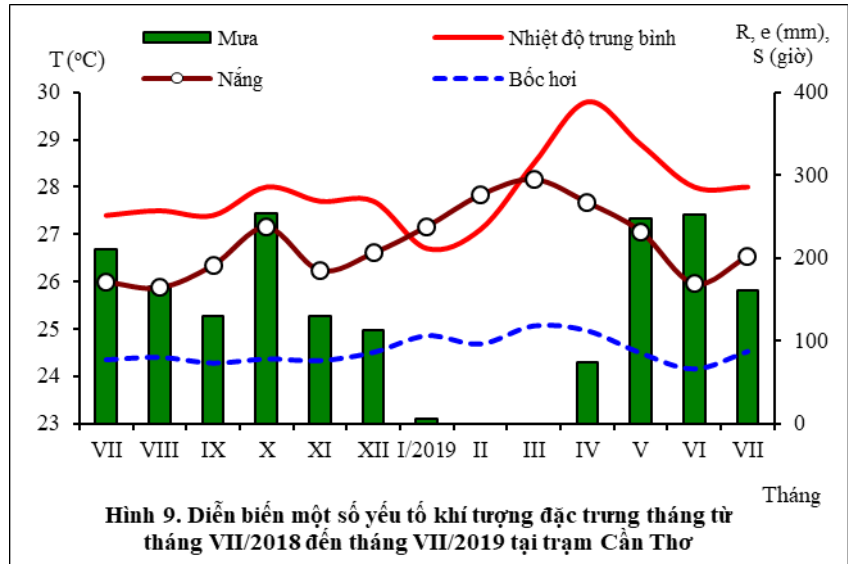
86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -10% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 11/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 48mm đến 95mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 48mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-232mm đến 10mm).

### 9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 27 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện hầu hết các khu vực từ 1 - 8 ngày với cường độ nhẹ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII/2018 đến tháng VII/2019 tại trạm Cần Thơ

## V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2019

Tháng VII là tháng mùa mưa, bão ở các tỉnh phía Bắc. Do số ngày mưa nhiều, lượng mưa ở hầu hết các vùng đều cao hơn TBNN. Ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc do ảnh hưởng của bão và mưa lớn đã làm thiệt hại đến người

và tài sản. Ở các tỉnh Miền Trung do ảnh hưởng của gió tây khô nóng làm thời tiết nóng bức, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp. Trong tháng VII các địa phương phía Nam tập trung thu hoạch lúa hè thu và tiếp tục xuống giống lúa mùa, gieo trồng, chăm sóc các loại rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

Ảnh hưởng của thời tiết đến sản xuất nông nghiệp trong tháng 7 là những đợt nắng nóng vào đầu và cuối tháng, mưa lớn kéo dài ở đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là cơn bão số 3 đổ bộ vào Bắc Trung Bộ gây mưa lớn ở các tỉnh Phía Bắc.

Trong đầu tháng, đợt nắng nóng kéo dài gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh Miền Trung.

- Theo thống kê, tại các tỉnh Trung bộ có khoảng 19.180 ha đất nông nghiệp bị hạn hán, thiếu nước do nắng nóng. Tại tỉnh Quảng Bình, hồ chứa nước Trung Thuần (H.Quảng Trạch) dung tích hồ chứa hiện chỉ còn khoảng 7% so với thiết kế.

- Tại Hà Tĩnh xảy ra 16 vụ cháy rừng nghiêm trọng, thiệt hại trên 160 ha rừng không thể phục hồi.

- Tại Quảng Ngãi nắng nóng kéo dài đã khiến 200 ha diện tích keo trồng của người dân ở xã Phổ Thạnh, Phổ Cường và Phổ Khánh (thuộc huyện Đức Phổ) bị chết khô.

Đến giữa tháng 7, mưa lớn kéo dài nhiều ngày ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cùng với nước lũ ở thượng nguồn đổ về đã làm hàng trăm hecta lúa hè thu đang trong giai đoạn chín rộ bị nhấn chìm trong biển nước thiệt hại 20 – 30%, nhiều diện tích bị mất trắng vì không thu hoạch được lúa.

- Mưa to kèm theo gió lốc trên địa bàn huyện Sông Mã, Sốp Cộp tỉnh Sơn La, làm 69 ha lúa và hoa màu bị hư hỏng, 4 con gia súc và 71 con gia cầm, 3 ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.

- Tại Cao Bằng: Mưa lớn gây ngập hơn 900 ngôi nhà, 1.000 ha lúa và hoa màu.

- Tại Yên Bái khoảng 1.120 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại. Đặc biệt, mưa lớn đã làm 29 xã thuộc 5 huyện bị cô lập.

Con bão số 2 đổ bộ vào khu vực các tỉnh từ Hải Phòng - Nam Định ngày 4/7/2019. Do ảnh hưởng của bão, 112 ngôi nhà, 650 ha lúa và 457 ha hoa màu ở Nghệ An bị ngập; 17 nhà ở Hòa Bình và 27 nhà ở Yên Bái bị tốc mái.

- Tỉnh Thanh Hóa: Mưa lũ còn cuốn trôi 50 m đường ống dẫn nước, 2.240 con gia cầm, gia súc; ngập gần 1.000 ha lúa, hoa màu, 182 ha nuôi thủy sản; làm hư hỏng 110 m kênh mương

## **1. Đối với cây lúa**

- *Lúa mùa*: Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được 1.102 nghìn ha lúa mùa, bằng 95% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 924,7 nghìn ha, bằng 94,4 %, các địa phương phía Nam gieo cấy 177,3 nghìn ha, bằng 98,2%. Tiến độ gieo cấy lúa Mùa 2019 tại các địa phương phía Bắc chậm hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của lịch thời vụ sản xuất vụ Xuân kéo dài. Đến thời điểm này, các địa phương đang khẩn trương hoàn thành công tác gieo cấy lúa vụ Mùa, dự kiến đến cuối tháng 7 sẽ kết thúc việc gieo cấy. Hiện tại trà lúa đã cấy phát triển tương đối tốt, diện tích lúa sớm đang trong giai đoạn hồi xanh, đẻ nhánh

- *Lúa hè thu*: Sau khi thu hoạch vụ lúa Đông xuân, bà con nông dân tiến hành vệ sinh đồng ruộng, cày ải, phơi đất chuẩn bị tốt các điều kiện để xuống giống lúa vụ Hè thu. Tính đến trung tuần tháng Bảy, cả nước gieo cấy được 2.042,3 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 97,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 166,4 nghìn ha, bằng 100,9%; các địa phương phía Nam đạt 1.875,8 nghìn ha, bằng 97,5%. Hiện trà lúa Hè thu muộn đang ở giai đoạn đứng cái, làm đòng, trà lúa Hè thu sớm đã cho thu hoạch 480,6 nghìn ha, bằng 85,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 480,6 nghìn ha, bằng 84,6%. Tiến độ gieo trồng và thu hoạch lúa Hè thu chậm so thời điểm cùng kỳ năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng tiến độ gieo trồng và thu hoạch vụ Đông xuân. Nhìn chung, diện tích trà lúa sớm cho thu hoạch trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, do ảnh hưởng của mưa bão đã ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch.

- *Lúa Thu đông*: Vụ Thu đông năm nay gieo sạ chậm hơn cùng kỳ năm trước, tính đến giữa tháng 7, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống 302,5 nghìn ha, bằng 85,1% so cùng kỳ. Hiện lúa Thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng; sinh trưởng và phát triển khá.

Tính đến hết tháng 7, cả nước đã gieo cấy được 6549 nghìn ha lúa, giảm 173,5 nghìn ha so với cùng kỳ; thu hoạch được 3.590,7 nghìn ha. Mặc dù, diện tích gieo cấy lúa giảm nhưng năng suất tăng nên sản lượng lúa tăng. Năng suất lúa bình quân ước đạt 65,5 tạ/ha, tăng khoảng 3,9 tạ/ha

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa đông xuân và gieo cấy lúa hè thu, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nhìn chung các cây màu gặp thời tiết thuận lợi, sinh trưởng và phát triển tốt.

Tính đến cuối tháng, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 855,1 nghìn ha ngô, bằng 97,7% cùng kỳ năm trước; 93,2 nghìn ha khoai lang, bằng 97,9 %; 160,1 nghìn ha lạc, bằng 95,5%; 37,1 nghìn ha đậu tương, bằng 75,7%; 819,1 nghìn ha rau, đậu, bằng 101,4%.

Chè lớn nảy chồi sinh trưởng khá ở Mộc Châu; chè lớn búp hái sinh trưởng trung bình ở Phú Hộ. Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng trung bình ở Ba Vì.

Bắc Trung Bộ: lạc nở hoa, lá thật thứ 3; đậu tương ra nụ, nửa hóa trạng thái sinh trưởng, phát triển bình thường.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên, sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VII/2019**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	30cm	Đạo ôn nhẹ
3		Văn Chấn	Lúa mùa mọc dón	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh	TB	Quá ẩm	
5	Đông	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	

6	Bắc	Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn búp hái	TB	âm	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	âm	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	TB	
11		Hoài Đức	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	16cm	
12			Cam ra lá mới	Kém	Quá âm	
13		Hưng Yên	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	4cm	
14		Nam Định	Lúa mùa mọc dón	Khá	11cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
16		Hải Dương	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
17		Thái Bình	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	4cm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc nở hoa, lá thật thứ 3	TB	TB	
19			Đậu tương ra nụ, nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa cấy	TB	3cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	10cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB		
24	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu mọc dón	Khá	4cm	
25		An Nhơn	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	4cm	
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá âm	

28	Bộ	Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu mọc dón	TB	3cm	
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu mọc dón	Khá	Quá ẩm	

### 3. Tình hình sâu bệnh

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 11.299 ha. Phân bố tập chung tại các tỉnh phía Bắc và Duyên Hải Nam Trung bộ.

- **Bệnh đạo ôn:**

+ Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 27.040 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 3.220 ha. Tập chung các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 4.755 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 10.418 ha, phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 9.164 ha. Phân bố tập chung tại các tỉnh phía Nam.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích 13.449 ha. Tập chung tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Nam bộ.

- **Chuột:** Diện tích hại 5.588 ha. Phân bố nhiều ở các tỉnh phía Bắc Trung bộ và Nam bộ.

## V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII-X NĂM 2019

### 3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng VIII - X năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0 đến trên 1,5oC

### 3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng VIII - X năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở ven biển Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở ven biển Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam

Bộ, với xác suất từ 44 đến trên 77%.

### **3.3. Hiện tượng cực đoan**

**Xoáy thuận nhiệt đới:** Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta thấp hơn TBNN. Trong tháng VIII-IX/2019, XTNĐ chủ yếu tác động đến khu vực Bắc Bộ-phía Bắc của Bắc Trung Bộ; từ tháng X/2019, khu vực chịu ảnh hưởng của XTNĐ chủ yếu là ở phía Nam (từ Trung Trung Bộ trở vào).

**Hoạt động của gió mùa:** Cường độ GMMH được nhận định ở mức từ yếu hơn đến xấp xỉ TBNN..

**Nắng nóng:** Nắng nóng được nhận định tiếp tục xảy ra ở Bắc Bộ và Trung Bộ trong tháng VIII năm 2019.

**Điều kiện khô/hạn:** Điều kiện khô hạn khu vực Trung Bộ tiếp tục kéo dài đến cuối tháng VIII/2019. Mùa khô hạn năm 2019/2020 ở Tây Nguyên và Nam Bộ đến sớm hơn và nghiêm trọng hơn.

## **V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VII và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VIII, IX và X/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 3
- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung ổn định nhưng ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (đang bước vào thời điểm khẩn trương gieo cấy lúa mùa) do nền nhiệt độ quá cao, mưa dông nhiều;
- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu năn, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá, ốc bươu vàng) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa sớm, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.
- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

### **2. Miền Nam**

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước cho trà lúa thu đông mới sạ.

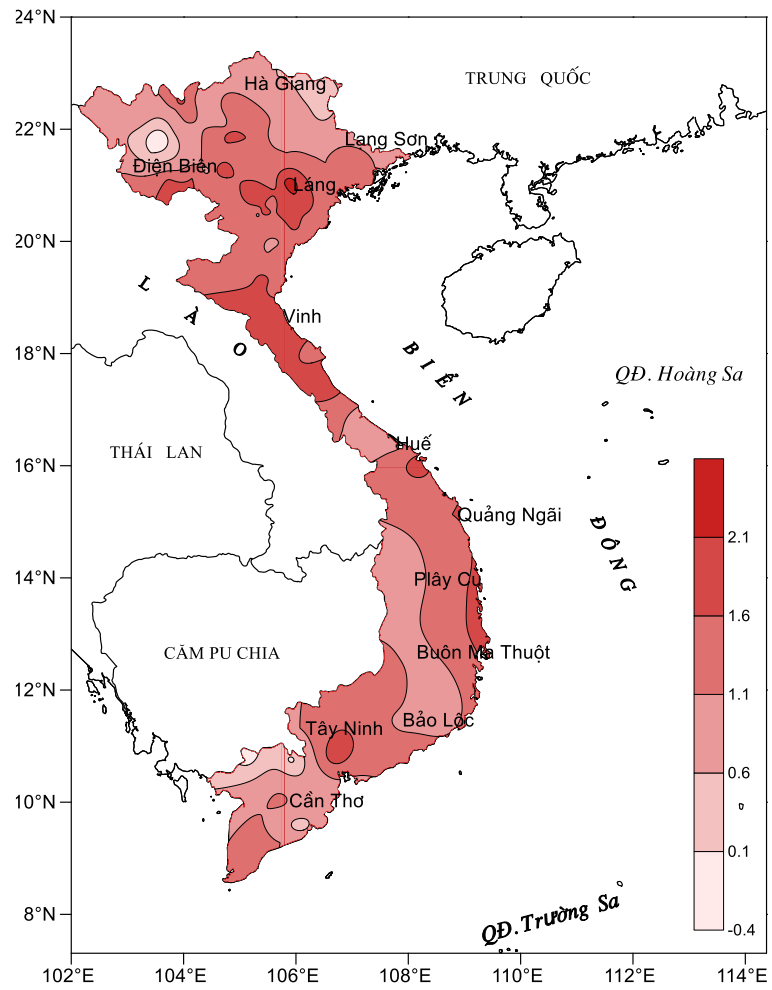
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa thu đông vừa mới sạ và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

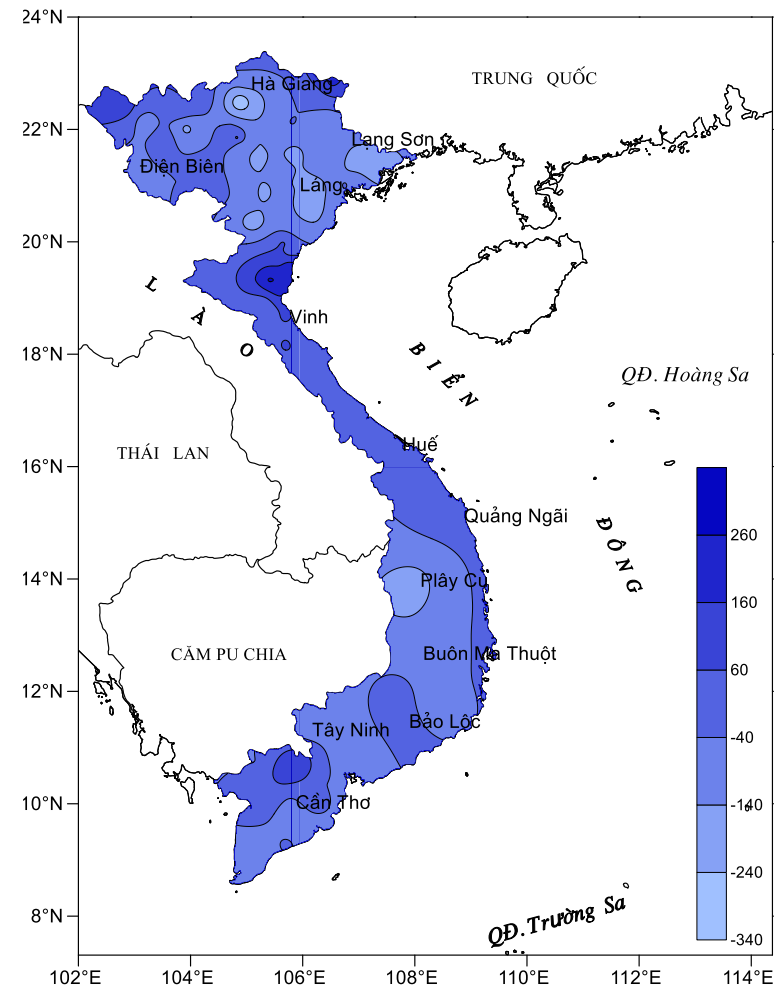
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VIII, VIII, IX năm 2019;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VIII năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;

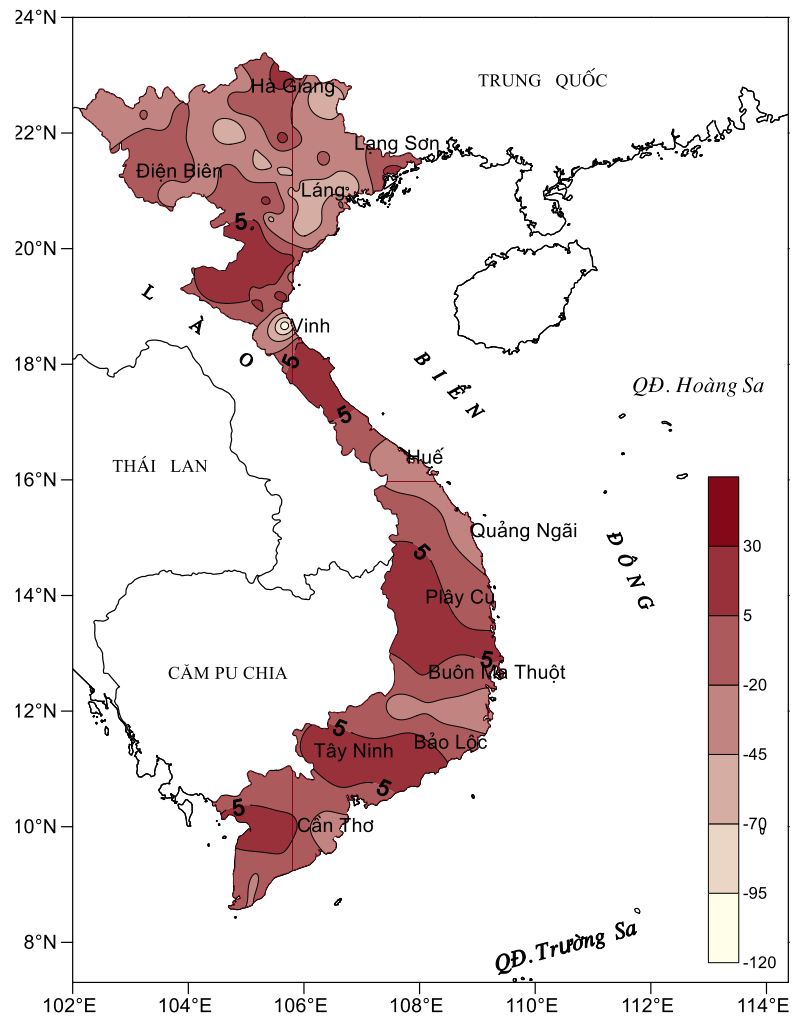
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VII năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



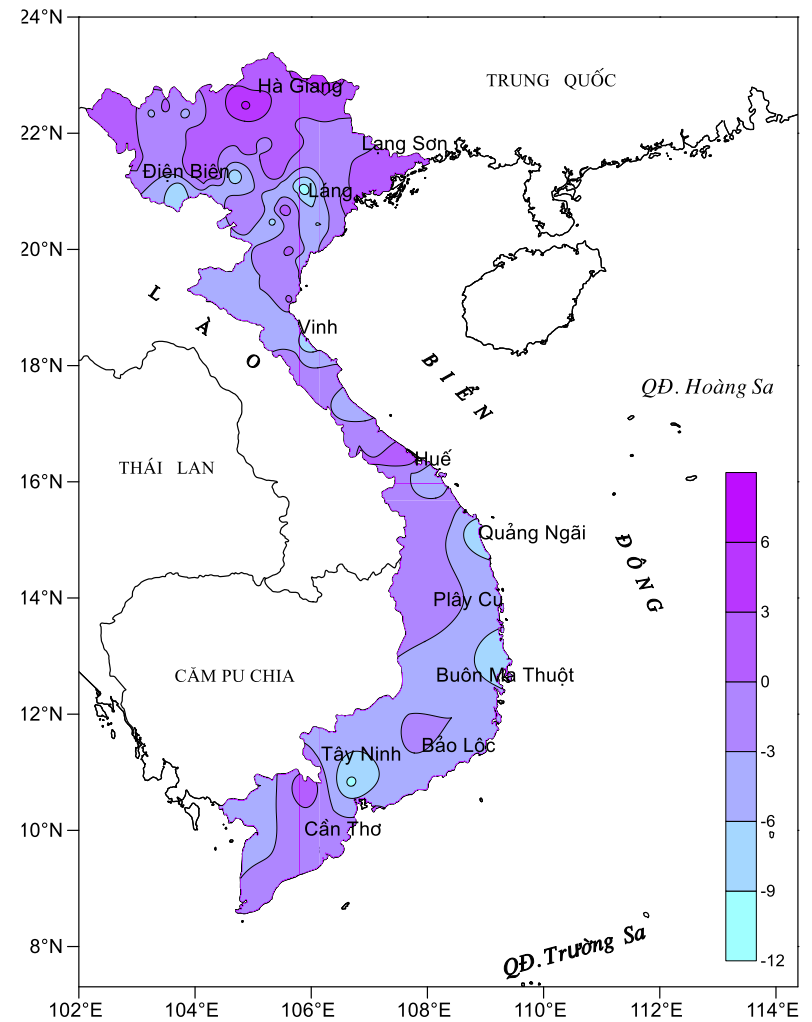
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VII/2019 so với TBNN (°C)



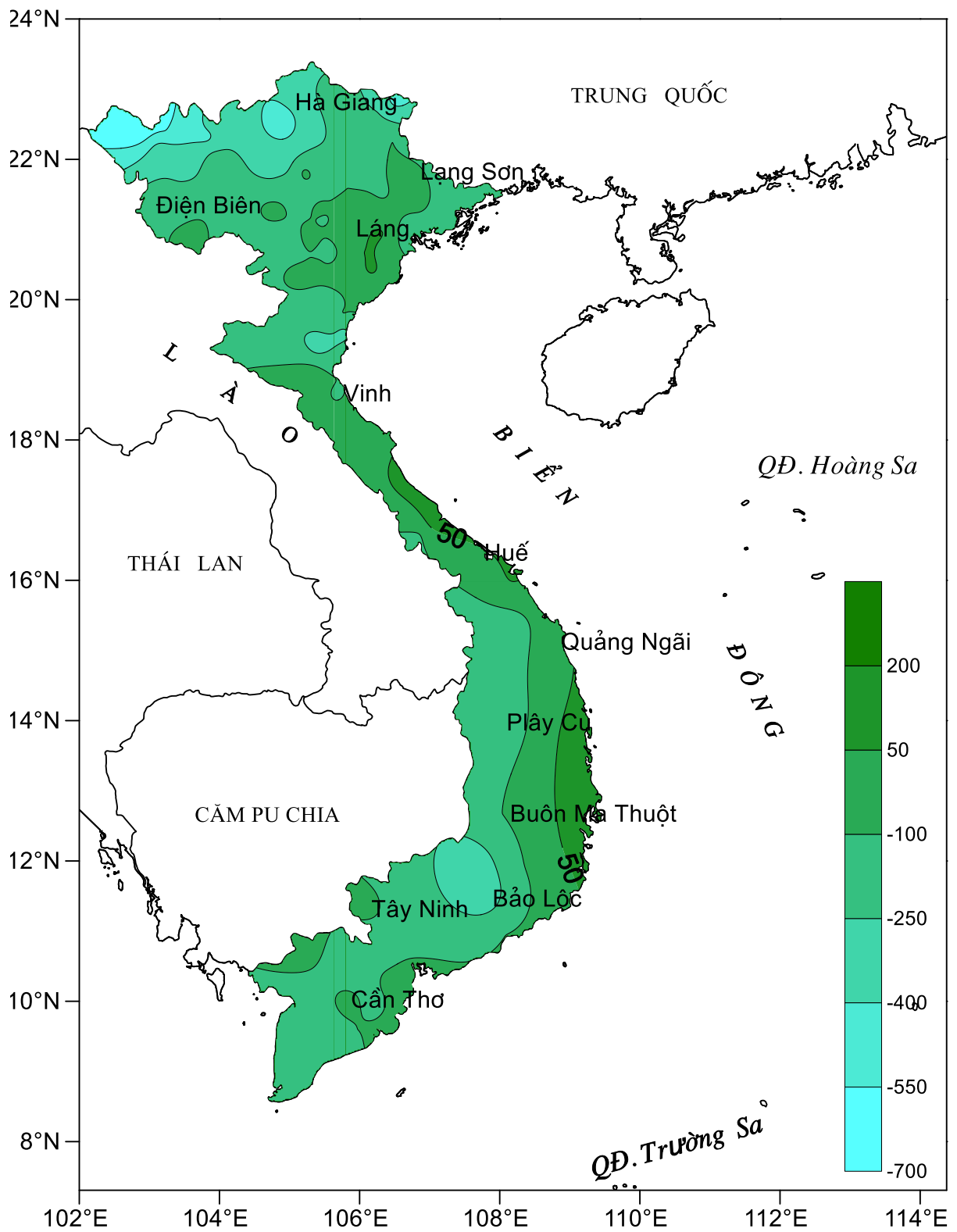
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VII/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VII/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VII/2019 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VII/2019 (mm)**